

Số: 1639/QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo

CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Quyết định số 367/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung nội dung tại một số điều của Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Quyết định số 1120/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung khoản 13 Điều 2 của Quyết định số 163/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chúng nhận các chất chuẩn để kiểm định phương tiện đo với đặc tính kỹ thuật đo lường chính và thời hạn hiệu lực nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; ĐT: 024.38360289) chịu trách nhiệm duy trì, bảo quản, sử dụng các chất chuẩn ghi tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 01, đề nghị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 báo cáo tình hình duy trì, bảo quản, sử dụng chất chuẩn để kiểm định phương tiện đo về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1306/QĐ-TĐC ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đo lường, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch Hà Minh Hiệp (để b/c);
- P. Chủ tịch Trần Hậu Ngọc;
- Lưu: VT, ĐL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hậu Ngọc

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1	
ĐẾN	Số: 1372
	Ngày: 16/7/25
Chuyển:	Đ1, 2, 3, 4, 5, 6
Số và ký hiệu HS:	0A, 0C

130A

[Handwritten signature]

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC CHẤT CHUẨN ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO
CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1639/QĐ-TĐC ngày 09 tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
1.	Dung dịch chuẩn 4 pH	- Số sản xuất: 230801 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 3,96 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,002 pH	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo pH: - Phạm vi đo: $(-2 \div 16)$ pH Giá trị độ chia: 0,1 pH; 0,01 pH; 0,001 pH	31/08/2025	
2.	Dung dịch chuẩn 10 pH	- Số sản xuất: 230802 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 9,97 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,003 pH		30/09/2025	
3.	Dung dịch chuẩn 4 pH	- Số sản xuất: 240723 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 4,04 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,002 pH		31/8/2026	
4.	Dung dịch chuẩn 7 pH	- Số sản xuất: 240702 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 6,99 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,006 pH		31/8/2026	

8

TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
5.	Dung dịch chuẩn 10 pH	- Số sản xuất: 231007 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 9,98 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,003 pH	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo pH: - Phạm vi đo: $(-2 \div 16)$ pH Giá trị độ chia: 0,1 pH; 0,01 pH; 0,001 pH	30/11/2025	
6.	Dung dịch chuẩn 4 pH	- Số sản xuất: 2410E66 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: Ricca Chemical - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 3,991 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,018 pH		9/20226	
7.	Dung dịch chuẩn 7 pH	- Số sản xuất: 2410H97 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: Ricca Chemical - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 7,005 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,018 pH		9/2026	
8.	Dung dịch chuẩn 10 pH	- Số sản xuất: 4407E00 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: Ricca Chemical - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 10,006 pH - Độ không đảm bảo đo: 0,021 pH		12/2025	

8

TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
9.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 10 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: U2- COND733840 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: Inorganic Ventures Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 10,5 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 0,1 $\mu\text{S/cm}$	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo độ dẫn điện: - Phạm vi đo: (0 ÷ 500) mS/cm Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 5 \%$ (giá trị đọc)	10/07/2028	
10.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 84 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: U2- COND736056 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: Ventures Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 85,4 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 0,8 $\mu\text{S/cm}$		31/8/2028	
11.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 147 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: U2- COND730519 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: Ventures Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 147,8 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 0,5 $\mu\text{S/cm}$		13/3/2028	
12.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 1 000 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: V2- COND740550 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: Ventures Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 1 002 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 5 $\mu\text{S/cm}$		01/02/2029	



TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
13.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 1413 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: U2-COND733715 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: Ventures Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 1 417 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 4 $\mu\text{S/cm}$		16/6/2028	
14.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 8 000 $\mu\text{S/cm}$	- Số sản xuất: 1038358 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 7 999,1 $\mu\text{S/cm}$ - Độ không đảm bảo đo: 46,4 $\mu\text{S/cm}$	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo độ dẫn điện: - Phạm vi đo: (0 ÷ 500) mS/cm Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 5 \%$ (giá trị đọc)	11/10/2025	
15.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 12,88 mS/cm	- Số sản xuất: 1038359 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 12,881 mS/cm - Độ không đảm bảo đo: 0,075 mS/cm		11/10/2025	
16.	Dung dịch chuẩn độ dẫn điện 111,3 mS/cm	- Số sản xuất: 1038360 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 111,3 mS/cm - Độ không đảm bảo đo: 0,6 mS/cm		11/10/2025	
17.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 30 g/L	- Số sản xuất: 946164 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 30 025 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 97 mg/L	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo tổng chất rắn hoà tan trong nước: - Phạm vi đo: (0 ÷ 100) g/L Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 5 \%$ giá trị đọc	23/11/2025	
18.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 50 g/L	- Số sản xuất: 946165 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 49 847 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 135 mg/L		23/11/2025	

TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
19.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 80 g/L	- Số sản xuất: 946166 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 80 277 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 257 mg/L	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo tổng chất rắn hoà tan trong nước: - Phạm vi đo: $(0 \div 100)$ g/L - Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 5 \%$ giá trị đọc	23/11/2025	
20.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 400 mg/L	- Số sản xuất: 960412 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 400,2 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 1,3 mg/L		14/01/2026	
21.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 1 000 mg/L	- Số sản xuất: 960413 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 999,0 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 2,5 mg/L		14/01/2026	
22.	Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hoà tan 1 600 mg/L	- Số sản xuất: 960414 - Năm sản xuất: 2023 - Hãng sản xuất: CPAchem Nước sản xuất: Bulgaria	- Nồng độ: 1 599,2 mg/L - Độ không đảm bảo đo: 4,3 mg/L		14/01/2026	
23.	Dung dịch chuẩn độ đục 20 NTU	- Số sản xuất: 240901 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 20 NTU - Độ không đảm bảo đo: 0,2 NTU	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo độ đục của nước: - Phạm vi đo: $(0 \div 4\,000)$ NTU - Sai số lớn nhất cho phép: $\pm 5 \%$ (giá trị đọc)	30/4/2026	

8

TT	Tên chuẩn	Số/năm sx/hãng sx/nước sx	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Thời hạn hiệu lực chứng nhận đến	Ghi chú
24.	Dung dịch chuẩn độ đục 200 NTU	- Số sản xuất: 240902 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 202 NTU - Độ không đảm bảo đo: 2 NTU	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo độ đục của nước: - Phạm vi đo: (0 ÷ 4 000) NTU - Sai số lớn nhất cho phép: ± 5 % (giá trị đọc)		
25.	Dung dịch chuẩn độ đục 400 NTU	- Số sản xuất: 240903 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 390 NTU - Độ không đảm bảo đo: 3,9 NTU		30/4/2026	
26.	Dung dịch chuẩn độ đục 800 NTU	- Số sản xuất: 240904 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 803 NTU - Độ không đảm bảo đo: 8 NTU		30/4/2026	
27.	Dung dịch chuẩn độ đục 2 000 NTU	- Số sản xuất: 240905 - Năm sản xuất: 2024 - Hãng sản xuất: NSI Lab Solutions - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 1 998 NTU - Độ không đảm bảo đo: 20 NTU		30/4/2026	
28.	Khí chuẩn C ₂ H ₅ OH	- Số sản xuất: C026834 - Năm sản xuất: 2025 - Hãng sản xuất: Calgaz Ltd - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 0,205 mg/L (0,041 %BAC hoặc 104,2 ppm) - Độ chính xác: ± 2%	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở: - Phạm vi đo: (0,000 ÷ 3,000) mg/L hoặc (0,000 ÷ 0,600) %BAC - Giá trị độ chia: 0,001 mg/L hoặc 0,001 %BAC (Phương pháp khí khô: sai số lớn nhất cho phép: ± 5 %)	09/5/2027	Bổ sung
29.	Khí chuẩn C ₂ H ₅ OH	- Số sản xuất: C026839 - Năm sản xuất: 2025 - Hãng sản xuất: Calgaz Ltd - Nước sản xuất: Mỹ	- Nồng độ: 0,400 mg/L (0,080 %BAC hoặc 208,4 ppm) - Độ chính xác: ± 2%		08/5/2027	Bổ sung

ƯU TIÊN

8